

Bản án số 38/2024/LĐ-ST
Ngày 28.8.2024
V/v tranh chấp về trợ cấp khi
chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Nghề nghiệp: Cán bộ, nguyên là Chủ tịch Liên đoàn lao động quận Liên Chiểu.

2. Ông Nguyễn Công Chi - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí, từng tốt nghiệp Đại học Công đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T - sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc O - sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và ông Lê Thành Công D - sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (Theo Giấy uỷ quyền ngày 22 tháng 7 năm 2024), (Đều có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D1; trụ sở: Lô B, đường số I, Khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn C - Chức vụ: Tổng Giám đốc, (Vắng mặt, có mặt xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Đơn trình bày ngày 20 tháng 6 năm 2024, Bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Bùi Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị T vào làm việc tại Công ty Cổ phần D1 - Đà Nẵng từ tháng 3 năm 2001 theo Hợp đồng không xác định thời hạn. Đến ngày 20 tháng 3 năm 2017, bà T xin chấm dứt hợp đồng lao động và được Công ty đồng ý theo Quyết định số 06/QĐ.Danang.Textile ngày 20 tháng 3 năm 2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Tại Điều 02 của Quyết định thể hiện: Bà T được giải quyết trợ cấp thôi việc số tiền 15.822.800 đồng (*Mười lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn tám trăm đồng*).

Tại Phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 22 tháng 7 năm 2024, người đại diện theo uỷ quyền của bà T xác nhận bà T đã được Công ty thanh toán số tiền 6.329.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng*), số tiền còn lại Công ty chưa thanh toán là 9.493.800 đồng (*Chín triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn tám trăm đồng*).

Đến nay, do bà T vẫn chưa nhận được trợ cấp thôi việc còn lại nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần D1 thanh toán chế độ trợ cấp thôi việc còn lại chưa thanh toán là 9.493.800 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bà Trịnh g nguyên yêu cầu, không đồng ý với phương án trả tiền theo đề xuất của Công ty Cổ phần D1.

* Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Công ty Cổ phần D1 trình bày:

Bà Bùi Thị T là công nhân của Công ty Cổ phần D1. Ngày 20 tháng 3 năm 2017, bà T được Công ty đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định số 06/QĐ.Danang.Textile. Đến nay, Công ty còn nợ bà T số tiền trợ cấp thôi việc 9.493.800 đồng.

Việc Công ty còn nợ trợ cấp thôi việc là do:

- Từ đầu năm 2020 cho đến hết năm 2023, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Sản xuất kinh doanh đình đốn nhưng Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất cầm chừng để giữ chân người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ nhiều năm liên tục;

- Hiện nay Công ty mới trở lại sản xuất vào tháng 5 năm 2024 và dự kiến sẽ có nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh để trả nợ lương cho người lao động và tạo nguồn để trả trợ cấp thôi việc. Dù còn nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn luôn có trách nhiệm đối với người lao động.

Về trợ cấp thôi việc theo khoản 6 điều 14 Nghị Định số 05/2015/NĐ-CP và khoản 7 điều 1 Nghị Định 148/2018/NĐ-CP, chi phí trợ cấp thôi việc thì Công ty đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc kinh phí hoạt động trong kỳ. Do tình hình hoạt động Công ty gặp rất nhiều khó khăn nên việc chi trả này đã được Công ty chi trả dần hằng năm vào cuối năm.

Công ty đề nghị bà Trịnh t điều kiện cho trả 2 lần vào tháng 01 năm 2025 và tháng 7 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn là bà Bùi Thị T và bị đơn là Công ty Cổ phần D1 có trụ sở tại: Lô B, đường số I, Khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng thuộc vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần D1 trả số tiền trợ cấp thôi việc còn nợ 9.493.800 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần D1 thừa nhận số tiền còn nợ của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

Bà Bùi Thị T đề nghị và đã được Công ty Cổ phần D1 chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định số 06/QĐ.Danang.Textile ngày 20 tháng 3 năm 2017. Bà T được Công ty trợ cấp thôi việc số tiền 15.822.800 đồng, đã thanh toán được 6.329.000 đồng. Số tiền trợ cấp thôi việc còn lại Công ty Cổ phần D1 - Đà Nẵng chưa thanh toán cho bà T là 9.493.800 đồng.

Khoản 2 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 quy định:

“Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên; trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày”.

Việc Công ty Cổ phần D1 chưa thanh toán đầy đủ tiền trợ cấp thôi việc là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T, buộc Công ty Cổ phần D1 thanh toán số tiền trợ cấp thôi việc còn nợ 9.493.800 đồng.

[3] Xét đề nghị xin trả dần số tiền nợ trợ cấp trong 02 lần của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần D1 không được người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm Công ty Cổ phần D1 phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 47 và 48 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điều 32, 35, 39, 92, 147, 228, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với Công ty Cổ phần D1 - Đà Nẵng về việc “Tranh chấp về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động”.

Xử: Buộc Công ty Cổ phần D1 - Đà Nẵng phải thanh toán cho bà Bùi Thị T số tiền trợ cấp thôi việc còn nợ là 9.493.800 đồng (*Chín triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần D1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy